

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN PHƯỚC  
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 15/2023/DS-ST

Ngày 07-3-2023

V/v “tranh chấp hợp đồng  
góp hụi”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Thạch Hải Âu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hoàng Trung.

2. Ông Nguyễn Tấn Phúc.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Minh Thành –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Không tham gia.

Vào ngày 07 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 159/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:**

Bà Trần Thị C, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

**2. Bị đơn:**

- Bà Lê Thị Bích T, sinh năm 1981.

- Ông Trương Văn B, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

(Bà C có mặt tại phiên tòa; Bà T, ông B có đơn xin vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Tại đơn khởi kiện, Tờ tự khai ngày 24/10/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị C trình bày:**

Bà và bà Lê Thị Bích T và ông Trương Văn B có quen biết vì là hàng xóm với nhau thường xuyên qua lại, làm ăn với nhau. Bà T có làm chủ hội trên 10 năm nay tại địa phương. Năm 2022, bà có tham gia hội do bà Lê Thị Bích T làm chủ hội. Tính đến ngày 24/8/2022, bà và bà T cùng ngồi lại tổng kết số tiền hội mà bà T, ông B còn nợ tổng cộng là 107.400.000 đồng. Theo đó, bà T có làm giấy nợ và hẹn đến ngày 14/9/2022 sẽ trả hết số tiền nợ hội cho bà. Giấy nợ do bà T viết và ký tên nhận nợ tại nhà bà T, ông B cũng có mặt nhưng không ký tên vào giấy nợ. Tuy nhiên, từ thời điểm đó đến nay, bà T và ông B lẩn tránh, cố tình không trả tiền lại cho bà. Bà đã yêu cầu bà T, ông B trả nợ nhiều lần, bà T, ông B hứa hẹn nhiều lần nhưng không trả. Tại thời điểm giao dịch hội, bà T và ông B là vợ chồng hợp pháp, việc bà T tổ chức chơi hội nhằm mục đích phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình. Nay bà khởi kiện, yêu cầu bà Lê Thị Bích T và ông Trương Văn B có nghĩa vụ liên đới trả lại cho bà số tiền nợ hội là 107.400.000 đồng. Yêu cầu trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

**\* Tại Tờ tự khai không ghi ngày, tháng bà Lê Thị Bích T gửi theo đường bưu điện, Tòa án nhận ngày 21/02/2023, bà Lê Thị Bích T trình bày:**

Thời gian năm 2021 đến năm 2022, bà và bà C có tham gia hội với nhau. Ngày 24/8/2022, bà và bà C có thống kê nợ hội mà bà còn nợ bà C là 107.400.000 đồng. Do quá trình tham gia hội, một số hội viên không tham gia góp hội, để đảm bảo dây hội được duy trì, bà đã phải chàng hội thay cho các hội viên. Do không còn tiền nên bà phải vay mượn nợ với lãi suất cao, thời gian kéo dài nên không còn khả năng chi trả nên trễ hạn trả tiền hội cho bà C. Đây là nợ riêng cá nhân của bà, do bà và ông B làm riêng, ông B hoàn toàn không biết việc bà chơi hội. Nay bà đồng ý hoàn trả số nợ mà bà C yêu cầu là 107.400.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đến khi hoàn thành hết số nợ.

**\* Tại Tờ tự khai không ghi ngày, tháng ông Trương Văn B gửi theo đường bưu điện, Tòa án nhận ngày 21/02/2023, ông Trương Văn B trình bày:**

Ông và bà Lê Thị Bích T chung sống như vợ chồng, có đăng ký kết hôn, nhưng thời gian 05 năm gần đây do có nhiều mâu thuẫn nên vợ, chồng đã tách ra làm ăn riêng. Bà T thường hay đi vắng nhà, đi đâu, làm gì ông không rõ. Mọi việc làm ăn của bà T đều do bà T tự làm không bàn bạc hay thông báo cho ông biết. Việc bà T và bà C có tham gia chơi hội ông không biết và bà C cũng không thông báo cho ông biết. Bà T tự chơi hội và tiêu xài cá nhân, ông không thống nhất toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà C vì đây là nợ riêng của bà T.

**\* Tại phiên tòa hôm nay:**

- Nguyên đơn bà Trần Thị C giữ nguyên yêu cầu Tòa án buộc bà Lê Thị Bích T và ông Trương Văn B phải liên đới trả lại số tiền nợ hội tổng cộng là 107.400.000 đồng vì đây là nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, việc chơi hội ông B có biết. Yêu cầu trả tiền một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn bà Lê Thị Bích T và ông Trương Văn B có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, phần tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T và ông B phải liên đới trả nợ hụi; bà Lê Thị Bích T và ông Trương Văn B có nơi cư trú tại Ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “*tranh chấp hợp đồng góp hụi*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về sự vắng mặt của các đương sự:* Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là bà Lê Thị Bích T và ông Trương Văn B có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông B.

[3]. *Về nội dung:* Bà Trần Thị C yêu cầu Tòa án buộc bà Lê Thị Bích T và ông Trương Văn B phải liên đới trả lại tổng số tiền hụi là 107.400.000 đồng, yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị C là có căn cứ chấp nhận, bởi lẽ:

[3.1]. Cả bà Trần Thị C và bà Lê Thị Bích T đều thừa nhận, trong khoảng thời gian từ năm 2021 đến năm 2022, bà C có tham gia hụi do bà T làm chủ hụi. Đến ngày 24/8/2022, bà C và bà T có thống kê số nợ hụi và hai bên thống nhất bà T còn nợ tiền hụi của bà C là 107.400.000 đồng, thỏa thuận đến ngày 14/9/2022 sẽ hoàn trả đủ số tiền nợ hụi. Việc thống nhất nợ có làm giấy nợ do bà T viết và ký tên. Tuy nhiên, từ ngày 14/9/2022 đến nay, bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà C theo thỏa thuận.

[3.2]. *Về nghĩa vụ trả nợ:* Nguyên đơn bà C yêu cầu bà Lê Thị Bích T và ông Trương Văn B phải liên đới trả lại số tiền nợ hụi là 107.400.000 đồng, yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại Tờ tự khai, bà T và ông B cho rằng đây là nợ của cá nhân bà T, ông B không có nghĩa vụ liên đới trả nợ vì 05 năm nay, bà T và ông B làm ăn riêng, bà T tự chơi hụi và tự tiêu xài cá nhân, không báo cho ông B biết nên ông B không có nghĩa vụ liên đới trả nợ cùng bà T. Hội đồng xét xử xét thấy, bà T và ông B là vợ chồng, tại thời điểm diễn ra giao dịch góp hụi giữa bà C và bà T cho đến nay, thì bà T và ông B vẫn là vợ chồng hợp pháp. Tuy trong giấy nhận nợ ngày 24/8/2022 ông B không có ký tên, nhưng việc bà T tổ chức hụi, có nhiều hụi viên tham gia nên ông B không thể không biết. Mặt khác, theo nguyên đơn trình bày, quá trình tham gia hụi và khi viết giấy nhận nợ tại nhà bà T thì ông B có mặt và biết được việc chơi hụi, nên việc bà T và ông B cho rằng đây là nợ cá nhân của bà T nên chỉ một mình bà T có nghĩa vụ trả nợ là không phù hợp. Căn cứ quy định tại Điều 27

và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định thì vợ chồng phải có trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện. Do đó yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bà T và ông B cùng có trách nhiệm trả nợ là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3]. *Về phương thức trả nợ*: Tại phiên tòa hôm nay, bà C yêu cầu bà Lê Thị Bích T và ông Trương Văn B phải trả tiền một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật; Tại Tờ tự khai, bà T xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Hội đồng xét xử xét thấy, theo thỏa thuận trong giấy nhận nợ thì thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 14/9/2022, tuy nhiên từ đó đến nay, các bị đơn không thực hiện đúng thỏa thuận. Như vậy, bà T và ông B đã vi phạm hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 280 Bộ luật dân sự và vi phạm nghĩa vụ của chủ hui theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hui, họ, biên, phường. Việc chậm thực hiện việc giao trả tiền cho bà C trong thời gian dài đã gây nhiều thiệt thòi về quyền lợi cho bà C. Do đó Hội đồng xét xử thấy cần thiết buộc bà T và ông B phải có nghĩa vụ trả cho bà C số tiền nợ hui là 107.400.000 đồng một lần theo yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp, không chấp nhận phương án trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hoàn thành xong số nợ như ý kiến bà T.

[4]. *Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà T và ông B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án với số tiền án phí phải chịu là 5.370.000 đồng. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho bà Trần Thị C.

[5]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Căn cứ vào:**

- Các Điều 274, 278, 280, 288, 351, 357 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 147, 186, 278, 244, 266, 267, 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

### **Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị C.

Buộc bà Lê Thị Bích T và ông Trương Văn B phải có nghĩa vụ liên đới

trả cho bà Trần Thị C số tiền là **107.400.000 đồng** (*Một trăm lẻ bảy triệu bốn trăm nghìn đồng*). Thực hiện nghĩa vụ giao trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Trần Thị C có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bà Lê Thị Bích T và ông Trương Văn B chậm trả tiền thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tại thời điểm thanh toán.

## **2. Về án phí:**

- Bà Lê Thị Bích T và ông Trương Văn B phải chịu **5.370.000 đồng** (*Năm triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho bà Trần Thị C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **2.685.000 đồng** (*Hai triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003283 ngày 14/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

**3. Về quyền kháng cáo:** Bà Trần Thị C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án; Bà Lê Thị Bích T và ông Trương Văn B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

**4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự** thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- Các đương sự:
  - + ND: Bà C;
  - + BD: Bà T, ông B.
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Thạch Hải Âu**